

Bản án số: 111/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23 – 8 - 2024

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Phúc Thị Thu Hà

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Đức Bình

2/ Ông Lê Hoàng Phúc

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Văn Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 297/2024/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 255/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Số nhà 127, đường ĐT, tổ 4, thôn 8, xã N, huyện Đ, tỉnh B.

- Bị đơn: Bà Hứa Thị H, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Số nhà 127, đường ĐT, tổ 4, thôn 8, xã N, huyện Đ, tỉnh B.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Cả hai đều có đơn đề nghị xét xử vắng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn Nguyễn Văn Th trình bày: Ông và bà Hứa Thị H tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng

từ năm 1988, nhưng không đăng ký kết hôn. Đến nay cũng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống giữa ông và bà H đã xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà H nữa, nên yêu cầu tòa án tuyên bố ông và bà H không phải là vợ chồng.

Theo biên bản lấy lời khai; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, đơn đề nghị xét xử vắng mặt và các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn Hứa Thị H trình bày: bà và ông Nguyễn Văn Th tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1998, nhưng không đăng ký kết hôn. Đến nay ông bà cũng không đăng ký kết hôn. Bà và ông Th mâu thuẫn nhiều năm, hay cãi nhau, không có tiếng nói chung. Nay ông Th yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý.

Về con chung, tài sản và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp.

Về án phí DSST: Nguyên đơn đồng ý chịu toàn bộ.

Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử và của các đương sự: Thẩm phán đã tiến hành thụ lý hồ sơ đúng quy định, xác định đúng quan hệ pháp luật, thư ký đã tuân thủ đúng pháp luật, HĐXX đã tiến hành xét xử đúng trình tự luật định, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung vụ án: Giải quyết cho ông Th ly hôn bà H là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả công bố các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện của ông Th là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là phù hợp.

[4] Nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Th và bà Hứa Thị H đã tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1988, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến nay ông, bà cũng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh

quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Nay ông Th xác định việc chung sống giữa ông và bà H không hạnh phúc, ông yêu cầu tòa án tuyên bố không công nhận ông và bà Hứa Thị H là vợ chồng. Do đó, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu của ông Th, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn Th và bà Hứa Thị H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông Th và bà H không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không cần xem xét trong bản án này.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Th là người khởi kiện nên ông phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo luật định.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung của vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 14, khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1/ Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th, tuyên xử:

- Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn Th và bà Hứa Thị H.

2/ Về án phí DSST: Ông Nguyễn Văn Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Th đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004664 ngày 03 tháng 7 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Ông Th đã nộp đủ án phí DSST.

3/ Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh;
- CC THA huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã N;
- Lưu hồ sơ, bản án./.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Phúc Thị Thu Hà